

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên sản phẩm: ALUMINUM POTASSIUM SULFATE DODECAHYDRATE – DẠNG RẮN

MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên hóa chất (IUPAC / quốc tế):** Aluminum Potassium Sulfate Dodecahydrate
- Tên khác:** Potassium Alum, $KAl(SO_4)_2 \cdot 12H_2O$
- CAS:** 7784-24-9
- Công thức:** $KAl(SO_4)_2 \cdot 12H_2O$
- Dạng:** Tinh thể rắn trắng, hòa tan trong nước
- Sử dụng đã định:** Thuốc thử trong phòng thí nghiệm, xử lý nước, làm thuốc bột, hóa mỹ phẩm
- Thông tin nhà cung cấp tại Việt Nam:**
 - Tên công ty: CÔNG TY TNHH MTV ĐỨC MAI KHÔI
 - Mã số thuế: 0314051291
 - Địa chỉ: 702/67/9 Lê Đức Thọ, Phường An Hội Đông, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - Số điện thoại khẩn cấp: 0909.907.861 (Giờ hành chính)

MỤC 2: NHẬN DẠNG MÔI NGUY HẠI

- Phân loại theo GHS:**
 - Eye Irrit. 2 – H319: Gây kích ứng mắt
 - Skin Irrit. 2 – H315: Gây kích ứng da
- Biểu tượng GHS:**
 - Kích ứng
- Câu cảnh báo nguy hiểm:**
- H315: Gây kích ứng da
- H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng
- Câu phòng ngừa:**
 - P264: Rửa tay kỹ sau khi tiếp xúc
 - P280: Mang găng tay và kính bảo hộ
 - P302+P352: Nếu dính da: rửa nhiều nước và xà phòng
 - P305+P351+P338: Nếu dính mắt: rửa kỹ ít nhất 15 phút và đến cơ sở y tế

MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Thành phần	CAS	Tỷ lệ
$KAl(SO_4)_2 \cdot 12H_2O$	7784-24-9	≥ 95%

MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải:** Di chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí
- Tiếp xúc da:** Rửa vùng da tiếp xúc với nhiều nước, cởi bỏ quần áo nhiễm
- Tiếp xúc mắt:** Rửa mắt ít nhất 15 phút với nhiều nước, đến cơ sở y tế
- Nuốt phải:** Rửa miệng, uống nước, đưa đến cơ sở y tế

MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Phương tiện:** Không cháy, sử dụng nước, bọt, CO_2 , bột khô để chữa cháy xung quanh
- Nguy cơ cháy nổ:** Không cháy, không phản ứng mạnh
- Bảo hộ:** Găng tay, kính bảo hộ, quần áo bảo hộ

MỤC 6: BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- Thu gom rắn tràn ra bằng cách quét, không phát tán bụi
- Cho vào thùng chứa an toàn, xử lý theo quy định chất thải nguy hại
- Tránh xả vào môi trường

MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- Sử dụng:** Trong phòng thí nghiệm hoặc nơi thông gió tốt
- Bảo quản:** Nơi khô, mát, tránh âm và ánh sáng trực tiếp
- Không tương thích:** Chất khử mạnh

MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

- Hô hấp:** Không cần mặt nạ nếu môi trường thông thoáng, tránh bụi
- Tay:** Găng tay chống hóa chất
- Mắt:** Kính bảo hộ
- Da:** Quần áo bảo hộ

MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

Thuộc tính	Giá trị
Trạng thái	Rắn tinh thể
Màu sắc	Trắng
Mùi	Không mùi
Tan trong nước	14.3 g/100 mL (20°C)
pH (dung dịch 1%)	~3-4
Mật độ	1.75 g/cm ³

MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- Ổn định trong điều kiện bình thường
- Tránh nhiệt độ cao và chất khử mạnh
- Không phản ứng mạnh

MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- LD50 (chuột, uống): > 2 g/kg (ít độc)
- Có thể gây kích ứng da và mắt

MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- Không độc hại nghiêm trọng với môi trường
- Không tích lũy sinh học
- Phân hủy sinh học: hòa tan trong nước, ít ảnh hưởng

MỤC 13: XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Thu gom rắn, cho vào bao chứa an toàn
- Xử lý theo quy định địa phương

MỤC 14: VẬN CHUYỂN

- UN Number:** Không yêu cầu (không nguy hiểm)
- Loại nguy hiểm:** Không áp dụng
- Tuân thủ ADR/IMDG/IATA

MỤC 15: THÔNG TIN QUY ĐỊNH

- Tuân thủ TCVN 9487:2012
- Không nằm trong danh mục hóa chất nguy hại nghiêm trọng

MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC

- Ngày phát hành SDS: 26/11/2025
- Tham khảo: PubChem, Sigma-Aldrich SDS

- Ghi chú:

- Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
- Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát
- Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế